

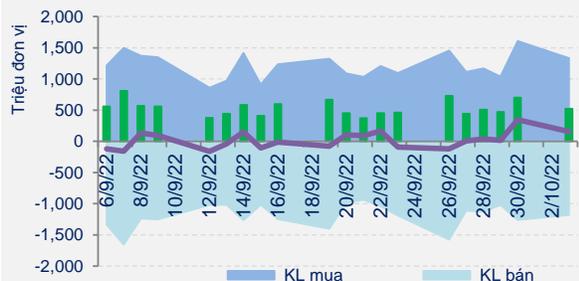
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/10/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,086.44	238.17
% Thay đổi	↓ -4.03%	↓ -4.83%
KLGD (CP)	519,981,359	62,271,420
GTGD (tỷ đồng)	11,518.41	1,142.60
Tổng cung (CP)	1,180,960,874	98,169,500
Tổng cầu (CP)	1,335,707,825	70,571,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,775,340	140,993
KL mua (CP)	25,569,340	756,700
GT mua (tỷ đồng)	941.57	15.63
GT bán (tỷ đồng)	1,474.07	2.68
GT ròng (tỷ đồng)	(532.50)	12.96

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm mạnh vào phiên cuối tuần trước với việc cả ba chỉ số chính đều giảm trên 1,5%. Và trong cuối tuần qua cũng đã xuất hiện thêm những thông tin tiêu cực trên thế giới có thể ảnh hưởng đến thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Do đó, tại thị trường trong nước trong phiên đầu tuần, áp lực bán đã xuất hiện ngay từ đầu phiên và gia tăng mạnh sau đó. Trong khi đó, lực cầu vẫn rất yếu dẫn kết quả là các chỉ số thị trường đều giảm mạnh.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 45,67 điểm (-4,03%) xuống 1.086,44 điểm. HNX-Index giảm 12,08 điểm (-4,83%) xuống 238,17 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay suy giảm so với phiên trước đó nhưng cũng xấp xỉ mức trung bình 20 phiên gần nhất cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh.

Không có nhiều điều để nói về phiên giao dịch ngày hôm nay khi toàn bộ các nhóm ngành và các cổ phiếu trong đó đều kết phiên trong sắc đỏ hoặc xanh sần. Những cổ phiếu còn giữ được sắc xanh hay thậm chí là tăng trần chiếm số lượng rất ít ỏi.

Như trong nhóm VN30 (-4,34%) chỉ còn duy nhất một cổ phiếu là tăng giá nhờ những nỗ lực kéo cổ phiếu trong phiên ATC, đấy là VIC (+0,9%). Còn lại là 29 cổ phiếu giảm, trong đó là 11 mã giảm sàn là KDH (-7%), BID (-6,9%), BVH (-6,9%), CTG (-6,9%), GVR (-6,9%), MWG (-6,9%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản, bảo hiểm, chứng khoán là những nhóm ngành giảm mạnh nhất trong phiên hôm nay. Không có bất kỳ nhóm ngành nào có thể tăng giá trong ngày mà chỉ số VN-Index mất hơn 4% điểm số.

Trên bình diện châu Á, chỉ số VN-Index cũng giảm mạnh nhất trong ngày đầu tuần. Tương đương với việc vốn hóa của toàn sàn HOSE mất 7,75 tỷ USD.

Sau phiên mua ròng vào thứ sáu tuần trước. khối ngoại lại quay trở lại bán ròng trên HOSE với giá trị ròng đạt 531,16 tỷ đồng. Các cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất lần lượt là HPG (178,3 tỷ đồng), STB (60,5 tỷ đồng), DGC (45,8 tỷ đồng), CTG (43,1 tỷ đồng).

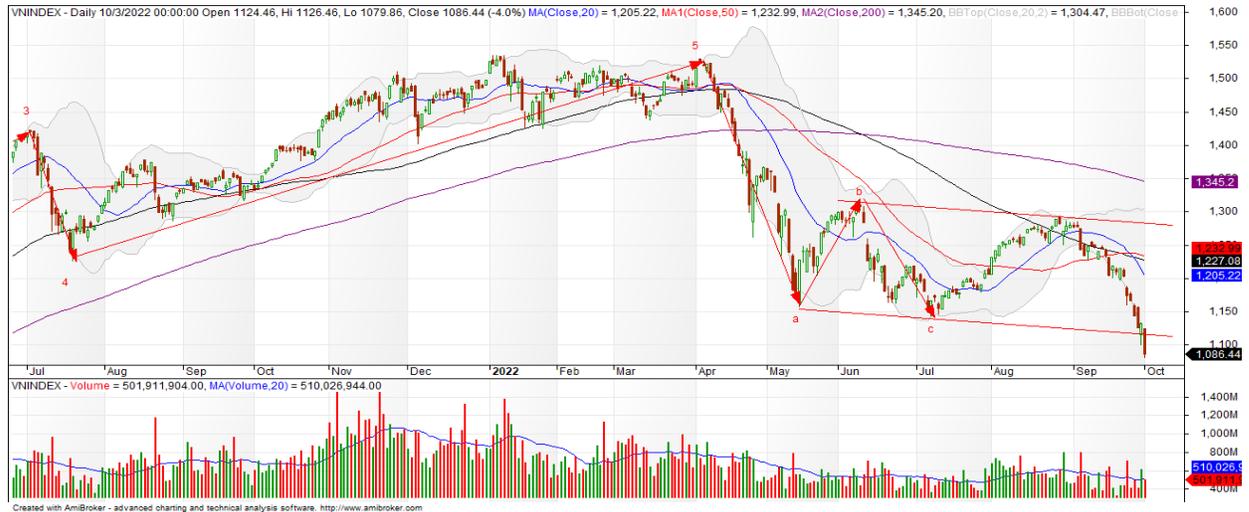
Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 10/2022 đang cao hơn so với chỉ số cơ sở VN30 với mức chênh lệch thấp chỉ 0,6 điểm, cho thấy các nhà giao dịch đang nghiêng về khả năng thị trường có thể sớm tìm được điểm cân bằng và hồi phục trở lại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/10/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



VN-INDEX chính thức xuyên thủng kênh giá sideway down trước đó khi xuyên thủng ngưỡng 1.120 điểm trong phiên hôm nay, thậm chí chỉ số này còn đánh mất luôn cả ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.100 điểm. Với thanh khoản xấp xỉ mức trung bình 20 phiên gần nhất thì có thể thấy là nhà đầu tư đã canh bán ra trong phiên hôm nay không ít.

Việc đánh mất kênh giá sideway down này thì rõ ràng là xu hướng của VN-Index đã trở nên tiêu cực hơn và nếu đúng như cách đo giá mục tiêu của mẫu hình kể trên thì VN-Index có thể sẽ điều chỉnh về 950 điểm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, với việc một số yếu tố kỹ thuật đang ở trạng thái quá bán. Như là RSI (14) đã trong trạng thái quá bán trong phiên thứ sáu liên tiếp. Và điểm số của RSI (14) đang ở mức rất thấp, chỉ gần 18. Đây là mức RSI (14) thấp nhất kể từ tháng 3/2020 (giai đoạn dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam) nên có thể kỳ vọng vào những phiên hồi phục kỹ thuật trong thời gian tới giúp các nhà đầu tư cơ cấu danh mục tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX phiên giao dịch đầu tiên của Quý IV/2022 tiếp tục giảm điểm mạnh với tâm lý bi quan, sợ hãi. Kết phiên VN-INDEX ở mức 1086,44 điểm giảm mạnh -4,03% với khối lượng giao dịch giảm -18,05% so với phiên trước. Đây là phiên giảm điểm mạnh nhất của VN-INDEX trong 03 tháng qua. VN-INDEX tiếp tục xu hướng giảm khi mất vùng hỗ trợ giá thấp nhất tháng 09/2022 tương ứng 1.100 điểm. Áp lực bán tiếp tục gia tăng nhiều mã với độ rộng tiêu cực.

Hiện tại tâm lý ngắn hạn của thị trường vẫn ở trạng thái bi quan mạnh, áp lực cắt lỗ ngắn hạn cao. Có rủi ro dẫn đến áp lực bán giải chấp của các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng ngắn hạn của VN-INDEX suy giảm, chịu áp lực điều chỉnh về vùng hỗ trợ tiếp theo 1.010-1.030 điểm. Tương ứng vùng giá cao nhất năm 2019_11/2029 trước thời điểm giảm mạnh do đại dịch Covid. Như vậy sau gần đúng 03 năm, thị trường, VN-INDEX lại quay trở về vùng giá trước khi có đại dịch toàn cầu.

Xu hướng ngắn hạn và trung hạn vẫn suy giảm. Nhà đầu tư ở thời điểm hiện tại nên duy trì tỉ trọng hợp lý, chờ thêm các thông tin mới về kết quả kinh doanh Q3 của các doanh nghiệp... cũng như xu hướng của thị trường chung cải thiện, thoát khỏi xu hướng giảm giá mạnh kéo dài, mới xem xét gia tăng thêm tỉ trọng đầu tư đối với các mã có tiềm năng tăng trưởng tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/10/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
HAH	39.00	40-43	60-61	44	3.8	106.8%	191.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DRC	26.30	28-29.5	34-36	27	11.5	-4.7%	-21.2%	Theo dõi chờ giải ngân
IJC	15.55	15.6-17	25-26	15	6.6	26.8%	6.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	22.80	25-26.5	31-32	23	8.6	9.8%	-1.4%	Theo dõi chờ giải ngân
GIL	29.90	29-33	41-42	27	3.8	1.3%	0.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	73.80	63-68	88-92	57	5.6	96.3%	455.2%	Theo dõi chờ giải ngân
TNG	17.50	15-16.5	21-23	13	6.2	35.8%	41.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	51.30	44-50	62-64	42	9.6	-49.0%	-32.6%	Theo dõi chờ giải ngân
NKG	17.05	14-17	20-21	13	2.5	2.7%	-76.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	27.35	25-26.5	32-33	22	7.8	18.8%	-26.7%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	15.80	15-17	22-23	13	7.6	-20.3%	-8.8%	Theo dõi chờ giải ngân
KDH	26.10	25-28	33-34	23	13.4	-34.1%	24.6%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
29/6/2022	VPI	59.30	57.45	76-78	58	3.22%	Nắm giữ
30/9/2022	TDC	18.60	17.00	25-26	15	9.41%	Nắm giữ
30/9/2022	PLC	25.10	26.00	34-35	25	-3.46%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Tăng cường quản lý thu thuế với thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số

Chính phủ yêu cầu tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT như hoàn thiện thể chế quản lý thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh mới.
Cơ quan quản lý cũng sẽ triển khai các biện pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử để tạo thói quen tiêu dùng văn minh.

Bộ Công Thương nói gì khi các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu 'kêu' càng bán càng lỗ

Theo Thứ trưởng Bộ Công Thương, thời gian vừa qua có việc mức chiết khấu trong kinh doanh xăng dầu thấp vì hai lý do.
Từ đầu năm đến nay, thị trường xăng dầu thế giới diễn biến phức tạp, nguồn cung không ổn định, giá biến động với biên độ lớn.
Từ cuối năm ngoái đến nay, các chi phí kinh doanh xăng dầu đều tăng.

PMI tháng 9 đạt 52,5 điểm, cải thiện đáng kể về điều kiện kinh doanh

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 9 tại Việt Nam đạt 52,5 điểm, tiếp tục cho thấy xu hướng mở rộng dù thấp hơn mức 52,7 điểm trong tháng 8.
Lượng mua hàng dự trữ tăng lần đầu tiên trong 6 tháng là do lượng đơn hàng mới tăng, chỉ số mua hàng cao hơn.

TP HCM thu ngân sách 9 tháng tăng 27,7%

Hoạt động thu ngân sách nhà nước trên địa bàn TP HCM tiếp tục ghi nhận mức tăng cao mới, khi 9 tháng năm 2022 đã tăng tới 27,7% so với cùng kỳ và đạt hơn 90% dự toán.
Đặc biệt, các khoản thu liên quan đến bất động sản và dầu thô có mức tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian qua.

Dự báo hai kịch bản tăng trưởng GDP và các nhân tố lớn ảnh hưởng tới kinh tế năm 2022

Kịch bản thấp là phương án gặp nhiều khó khăn thì cả năm nay, tăng trưởng GDP đạt 7,5% khi mà dự kiến trong quý IV vẫn còn nhiều khó khăn, khó đoán định.
Kịch bản hai dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2022 khoảng 8%.

Những chính sách nổi bật có hiệu lực từ tháng 10

Dùng hỗ trợ đóng bảo hiểm thất nghiệp đối với chủ sử dụng lao động, miễn phí cấp tài khoản định danh điện tử là chính sách nổi bật có hiệu lực từ tháng 10.
Bãi bỏ các quy định về tính tỷ lệ nội địa hóa ô tô, phí đăng kiểm ô tô tăng thêm 10.000 đồng cũng là những chính sách có hiệu lực từ tháng 10.



TIN DOANH NGHIỆP

Hodeco tìm đối tác cùng thực hiện dự án với tổng vốn hơn 3.300 tỷ đồng

Hodeco vừa thông qua chuyển nhượng hơn 11,4 triệu cổ phần của CTCP Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương Vũng Tàu. CTCP Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương Vũng Tàu hiện là chủ dự án khu du lịch Đại Dương tại Vũng Tàu.

Lãnh đạo Bộ Công Thương lý giải việc cắt gần 40% công suất nhà máy điện mặt trời của Trungnam Group

Bộ Công Thương cho rằng Trungnam Group có thiếu sót là chưa hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật và yêu cầu phối hợp với EVN giải quyết trên cơ sở hợp đồng đã ký. Trungnam Group vẫn chờ cơ chế giá chính thức và không yêu cầu EVN phải thanh toán hay xác định rõ mức giá cho phần 172 MW ở thời điểm hiện tại.

Máy Đức Giang sắp trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 25%

Ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/10 và dự kiến thanh toán ngày 20/10. Cổ tức tiền mặt năm 2021 đạt 25%, cao hơn so với 2020 (20%) nhưng thấp hơn năm 2019 (35%).

Doanh số Sao Ta 9 tháng tăng 18%

Doanh số tiêu thụ chung 9 tháng đạt 182 triệu USD, tăng 18% và thực hiện 79% kế hoạch năm. Ban lãnh đạo cho biết tiêu thụ chậm lại trong các tháng cuối năm, song vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

Nhọc nhân' con đường tăng vốn của DIC Corp

DIC Corp đã hạ giá chào bán 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ 30.000 đồng/cp xuống tới 15.000 đồng/cp. Giá cổ phiếu tụt dốc, cổ đông nhỏ ngày càng đông là những nguyên nhân khiến DIC Corp khó khăn trong việc tăng vốn.

Lịch chốt quyền cổ tức, thưởng cổ phiếu tuần 3/10 - 7/10

27 tổ chức thông báo chốt quyền cổ tức, trả cổ phiếu trong tuần tới. Lương thực Thực phẩm Safoco là đơn vị duy nhất phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 song song với cổ phiếu thưởng, tổng tỷ lệ 19,8%. Cảng Cát Lái công bố tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao nhất với 24%.

Cách mạng công nghệ 4.0 tạo động lực cho doanh nghiệp thay đổi

Thời gian qua, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thì đội ngũ doanh nhân cũng lớn mạnh không ngừng. Sự phát triển của công nghệ mới với các công nghệ kỹ thuật số, kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... đã làm thay đổi doanh nghiệp theo hướng chuyển đổi số toàn diện.

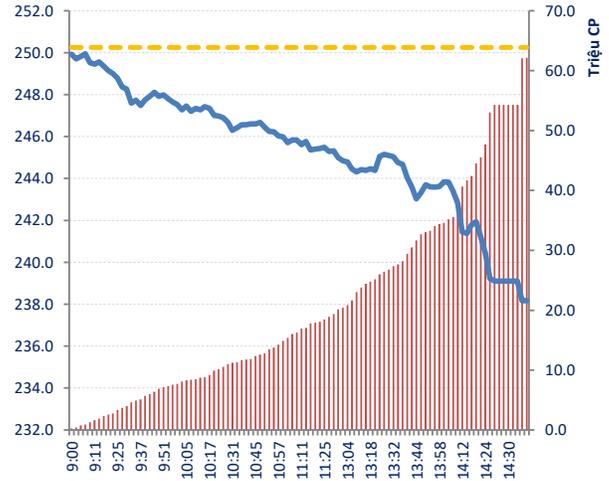


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



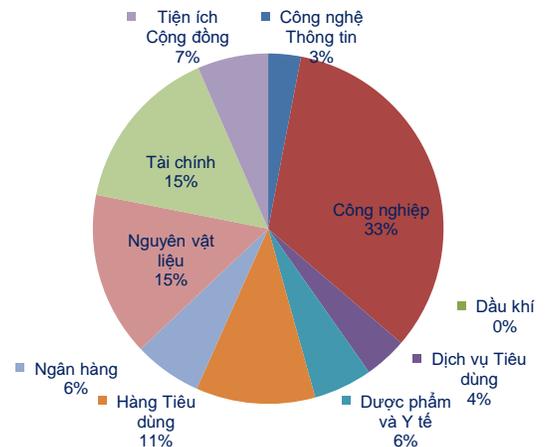
KLGD và HNX-Index trong phiên



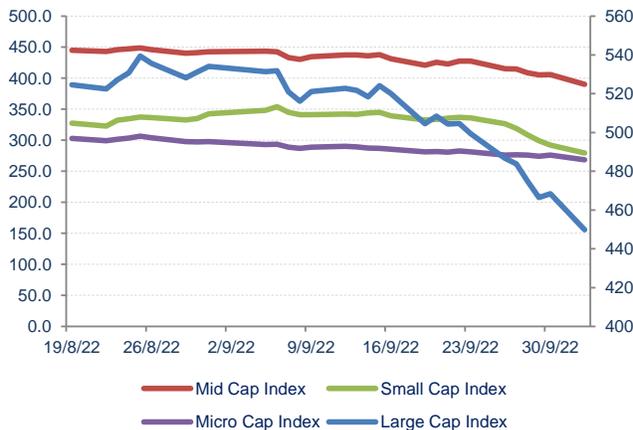
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



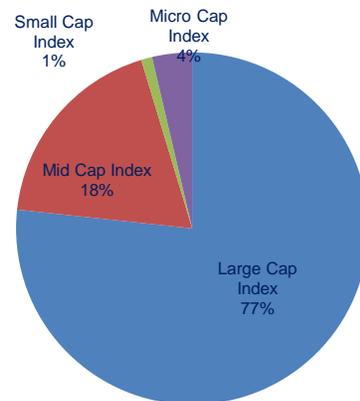
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEFVND	699,800	HPG	8,812,300
2	VIC	506,900	STB	3,064,000
3	E1VFN30	272,900	CTG	1,938,700
4	HDG	133,000	SSI	1,656,000
5	NT2	114,900	VND	1,200,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	474,050	TNG	33,900
2	SHS	49,025	CEO	10,500
3	HUT	40,200	KLF	5,900
4	HCC	25,000	VCS	4,500
5	ONE	21,299	VC7	2,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	21.20	19.75	↓ -6.84%	34,133,600
HAG	13.25	12.35	↓ -6.79%	33,134,200
STB	20.60	19.20	↓ -6.80%	28,727,100
VPB	18.00	17.00	↓ -5.56%	24,720,900
SSI	19.80	18.45	↓ -6.82%	16,888,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	10.50	9.50	↓ -9.52%	10,663,215
PVS	23.20	21.40	↓ -7.76%	6,072,341
IDC	49.70	45.00	↓ -9.46%	5,754,615
CEO	21.70	19.60	↓ -9.68%	3,784,004
HUT	22.00	21.50	↓ -2.27%	2,793,627

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	110.00	117.70	7.70	↑ 7.00%
TPC	9.12	9.75	0.63	↑ 6.91%
LEC	14.55	15.55	1.00	↑ 6.87%
HU1	8.25	8.81	0.56	↑ 6.79%
TTE	10.80	11.50	0.70	↑ 6.48%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
HJS	31.00	34.10	3.10	↑ 10.00%
PJC	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
DNC	48.50	53.30	4.80	↑ 9.90%
VDL	22.50	24.70	2.20	↑ 9.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LDG	8.00	7.44	-0.56	↓ -7.00%
KHG	7.72	7.18	-0.54	↓ -6.99%
CTS	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%
CTR	60.00	55.80	-4.20	↓ -7.00%
BSI	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHL	23.00	20.70	-2.30	↓ -10.00%
PMC	74.00	66.60	-7.40	↓ -10.00%
EVS	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
ITQ	4.00	3.60	-0.40	↓ -10.00%
LUT	4.00	3.60	-0.40	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	34,133,600	32.1%	5,164	4.1	1.2
HAG	33,134,200	14.6%	750	17.7	2.7
STB	28,727,100	10.3%	1,902	10.8	1.1
VPB	24,720,900	19.6%	2,508	7.2	1.2
SSI	16,888,800	13.0%	1,100	18.0	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	10,663,215	25.5%	1,176	8.9	0.9
PVS	6,072,341	4.1%	1,106	21.0	0.9
IDC	5,754,615	34.0%	5,604	8.9	2.5
CEO	3,784,004	7.2%	969	22.4	1.6
HUT	2,793,627	6.1%	708	31.1	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 7.0%	26.6%	10,511	10.5	2.7
TPC	↑ 6.9%	4.0%	598	15.2	0.6
LEC	↑ 6.9%	0.1%	22	672.1	0.9
HU1	↑ 6.8%	4.8%	707	11.7	0.5
TTE	↑ 6.5%	8.2%	848	12.7	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L43	↑ 10.0%	-36.6%	(4,137)	-	0.4
HJS	↑ 10.0%	19.1%	2,874	10.8	2.1
PJC	↑ 10.0%	17.0%	2,976	7.7	1.4
DNC	↑ 9.9%	35.7%	4,625	10.5	3.7
VDL	↑ 9.8%	0.0%	(3)	-	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	699,800	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	506,900	-0.3%	(121)	-	1.6
E1VFN30	272,900	N/A	N/A	N/A	N/A
HDG	133,000	25.1%	5,709	7.1	1.7
NT2	114,900	21.4%	3,192	8.9	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	474,050	4.1%	1,106	21.0	0.9
SHS	49,025	25.5%	1,176	8.9	0.9
HUT	40,200	6.1%	708	31.1	2.0
HCC	25,000	5.0%	581	18.9	0.9
ONE	21,299	7.4%	928	7.7	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	346,420	21.7%	5,271	13.9	2.8
VHM	220,766	21.9%	6,510	7.8	1.7
GAS	210,535	23.6%	6,738	16.3	3.5
VIC	209,766	-0.3%	(121)	-	1.6
BID	171,484	14.6%	2,569	13.2	1.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	25,050	6.6%	1,356	61.6	3.8
IDC	16,401	34.0%	5,604	8.9	2.5
THD	15,750	13.1%	2,295	19.6	2.7
BAB	12,689	7.9%	889	17.6	1.4
PVS	11,089	4.1%	1,106	21.0	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	3.05	9.2%	2,027	16.0	1.4
CIG	3.00	8.4%	455	16.1	1.4
ASM	2.95	10.7%	2,470	6.0	0.6
TGG	2.91	7.7%	1,100	3.8	0.3
TCD	2.90	24.3%	3,532	3.2	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.71	7.9%	741	14.4	1.1
APS	2.61	62.2%	9,839	1.4	1.0
BII	2.60	-2.9%	(318)	-	0.3
VGS	2.55	17.0%	3,002	5.5	0.9
VC9	2.44	2.4%	47	216.1	79.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	327.67	32.1%	5,164	4.1	1.2
VPB	119.54	19.6%	2,508	7.2	1.2
MBB	72.60	24.2%	3,467	5.8	1.3
STB	60.51	10.3%	1,902	10.8	1.1
CTG	56.43	15.1%	3,057	7.6	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-26.92	26.8%	4,534	15.9	4.1
GAS	-20.34	23.6%	6,738	16.3	3.5
ACB	-18.19	25.1%	3,482	6.4	1.4
VIC	-15.28	-0.3%	(121)	-	1.6
GMD	-14.67	12.2%	2,915	16.5	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	2.57	12.3%	362	48.4	1.5
DGC	1.80	68.7%	13,202	5.9	3.1
KBC	1.20	1.6%	351	82.7	1.3
DXS	0.81	5.3%	1,022	14.1	0.7
DGW	0.67	42.9%	4,845	13.3	5.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-5.31	32.1%	5,164	4.1	1.2
BSI	-2.28	8.9%	1,043	28.8	1.3
IJC	-1.25	14.8%	2,361	7.1	1.0
VNM	-1.23	26.8%	4,534	15.9	4.1
IDI	-1.16	15.9%	2,287	6.3	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	38.30	26.8%	4,534	15.9	4.1
GMD	21.90	12.2%	2,915	16.5	1.9
GAS	21.69	23.6%	6,738	16.3	3.5
ACB	18.19	25.1%	3,482	6.4	1.4
DPM	12.52	49.9%	14,573	3.2	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-148.68	32.1%	5,164	4.1	1.2
VPB	-119.54	19.6%	2,508	7.2	1.2
MBB	-74.96	24.2%	3,467	5.8	1.3
FUEVFNVD	-60.85	N/A	N/A	N/A	N/A
DIG	-52.89	14.3%	1,719	17.3	2.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	52.70	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	27.56	-0.3%	(121)	-	1.6
E1VFN30	26.35	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	5.62	27.1%	7,170	13.8	3.6
HDG	5.11	25.1%	5,709	7.1	1.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-173.68	32.1%	5,164	4.1	1.2
STB	-60.67	10.3%	1,902	10.8	1.1
DGC	-48.10	68.7%	13,202	5.9	3.1
CTG	-43.51	15.1%	3,057	7.6	1.1
SSI	-31.36	13.0%	1,100	18.0	1.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn